TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN THÀNH** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2018/DSST
Ngày 15 tháng 6 năm 2018
V/v: Tranh chấp HN&GĐ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Xuân Thanh
2. Ông Nguyễn Hữu Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Quang Sáng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 15 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: **69**/2018/TLST- HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp Hôn nhân và Gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - sinh năm 1991.
Trú tại: xóm 14B - xã M - huyện Y - tỉnh Nghệ An
Nghề nghiệp: Làm ruộng *(có mặt);*

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B - sinh năm 1981
Trú tại: xóm 14B - xã M - huyện Y - tỉnh Nghệ An.
Nghề nghiệp: Làm ruộng *(vắng mặt lần thứ hai);*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 09/3/2018, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có tìm hiểu, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán và đăng ký kết hôn vào 12/12/2008, tại UBND xã M, huyện Y, tỉnh Nghệ An. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T đi lao động ở nước ngoài, vợ chồng sống xa nhau nên dẫn đến tình cảm rạn nứt. Khi chị về nước thì tình cảm vợ chồng không được cải thiện, anh B thường xuyên ghen tuông vô cớ, đánh đập chị, bên cạnh đó không lo

lắng làm ăn mà còn dùng tiền chị gửi về vào nghiện ngập cờ bạc, nợ nần, chị phải ôm con về ngoại ở nhưng khi về ngoại ở anh B còn xuống nhà ngoại uy hiếp bắt mẹ con chị về nhưng mẹ con chị quá sợ hãi và bản thân chị không còn chút tình cảm nào với anh B nữa nên không thể trở về đoàn tụ với anh B. Mặt khác hai bên đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau nữa, anh B làm vậy chủ yếu để gây khó khăn cho chị. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn Nguyễn Văn B.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 02/4/2010. Nay ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi con vì từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn con chung ở với chị, hơn nữa anh B không chịu làm ăn, thu nhập không ổn định, thường xuyên nghiện ngập cờ bạc nên chị tha thiết đề nghị Tòa xem xét nguyện vọng nuôi con của chị và chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng tiền nuôi con.

- Về tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn B: Quá trình giải quyết, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B vẫn không có mặt. Tòa án đã trực tiếp tống đạt giấy triệu tập và các văn bản tố tụng cho anh B theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh B vẫn không có mặt, vì vậy Tòa án không tiến hành phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như không lấy lời khai của anh B được.Tuy nhiên qua tài liệu do nguyên đơn cung cấp và qua biên bản xác minh tại xóm, xã thì tình trạng hôn nhân, con chung chưa thành niên giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn B đúng như chị T trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe ý kiến trình bày của chị Nguyễn Thị T tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và Gia đình được quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị T và anh B, yêu cầu anh, chị có mặt tại Toà án để giải quyết vụ án nhưng anh B không có mặt. Vì vậy Toà án đã lập biên bản theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên toà và đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 29/5/2018 chị T có mặt, anh B vắng mặt không có lý do, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên toà. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt các văn bản tố tụng phiên toà lần thứ hai cho chị T và anh B tuy nhiên tại phiên toà hôm nay anh B vắng mặt không có lý do. Như vậy, anh B đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai

mà vẫn vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 điều 227của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bị đơn.

2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Xét hôn nhân giữa chị T và anh B là hôn nhân hợp pháp, tuân thủ theo quy định của pháp luật. Song qua xem xét thực tế thì thấy rằng cuộc sống chung của vợ chồng những năm gần đây không được hạnh phúc, mâu thuẫn liên tục xảy ra và thực sự căng thẳng, trầm trọng, hai bên đã sống ly thân, không còn quan tâm, trách nhiệm gì với nhau nữa. Trên cở sở đó xác định tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B là có căn cứ, cần chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Quá trình giải quyết vụ án chị T có nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Việc nuôi con vừa là quyền vừa là nghĩa vụ của các bên vì vậy nguyện vọng của chị Tt là nguyện vọng chính đáng cần xem xét.

Qua lời trình bày của chị T và qua biên bản xác minh tình trạng con chung cho thấy, hoàn cảnh hiện tại của anh B hiện nay thường xuyên đi làm ăn xa, không có thời gian về chăm con, từ khi sống ly thân con chung chủ yếu do một mình chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Hơn nữa hiện nay con chung của vợ chồng đang ở cùng chị T ổn định; tại phiên tòa chị trình bày khi nông nhàn chị làm thêm nghề phụ thu nhập trung bình từ 3.000.000 - 4.000.000 đồng/tháng đủ trang trải cuộc sống cho hai mẹ con, hơn nữa từ khi ly thân con chung ở với chị tình cảm gắn bó, bên cạnh chị còn có bố mẹ, người thân hỗ trợ cho hai mẹ con cả vật chất lẫn tinh thần vì vậy cần tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành là phù hợp với tình hình thực tế cũng như quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

-Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 28; khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51; 56; 81; 82 và 83 của Luật Hôn Nhân và Gia đình;

- ***Về hôn nhân:*** Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

-***Về con chung***: Giao 1 con chung là cháu Nguyễn Văn T - sinh ngày 02/4/2010 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành.Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh Nguyễn Văn B.

Anh B không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

- ***Án phí:*** Căn cứ vào khoản 4, điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; điều 27 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí tòa án.

Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, án phí của chị T được tính trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành (Biên lai thu tiền số: 0003341, ngày 13 tháng 3 năm 2018), chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Nguyễn Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn B. Tuyên bố để các bên đương sự biết, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Lê Thị Nhung

Nơi nhận:
- Các bên Đương sự.
- VKSND H. Yên Thành
- THADS H. Yên Thành
- TAND tỉnh.
- UBND xã M
- Lưu HS